

của chỉ số ALBI có lợi thế hơn so với 2 thang điểm MELD và Child-Pugh (AUC tương ứng ALBI: 0,912, MELD: 0,874 và Child-Pugh: 0,889;  $p < 0,001$ ). Xavier và Cộng sự cũng nghiên cứu trên bệnh nhân xơ gan có xuất huyết tiêu hoá cao trong 30 ngày chỉ có ALBI có thể tiên lượng tử vong (AUC = 0.80,  $p < 0,01$ )<sup>10</sup>, theo nghiên cứu của Nguyễn Văn Thủy thì khi tiên lượng tử vong thì AUC của MELD và Child-Pugh tương ứng là 0,806 và 0,820<sup>8</sup>. Theo các tác giả, bên cạnh yếu tố tiên lượng tử vong là chỉ số ALBI cao, điểm MELD và điểm Child-Pugh cao cũng như mức độ nặng, các biến chứng xuất hiện trên bệnh nhân xơ gan thì còn các yếu tố tiên lượng tử vong là tuổi bệnh nhân và các bệnh đồng mắc.

## V. KẾT LUẬN

Chỉ số ALBI có hữu ích trong việc đánh giá kết quả ngắn hạn của bệnh nhân xơ gan có xuất huyết tiêu hoá do tăng áp lực tĩnh mạch cửa, với hiệu suất tốt hơn so với thang điểm MELD và Child-Pugh.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Xuân Huyền.** Xơ Gan. Nhà xuất bản từ điển bách khoa.; 2000.
2. **Garcia-Tsao G, Bosch J.** Management of varices and variceal hemorrhage in cirrhosis. *N Engl J Med.* 2010; 362(9):823-832. doi:10.1056/NEJMra0901512
3. **Johnson PJ, Berhane S, Kagebayashi C, et al.** Assessment of liver function in patients with

hepatocellular carcinoma: a new evidence-based approach-the ALBI grade. *J Clin Oncol Off J Am Soc Clin Oncol.* 2015;33(6):550-558. doi:10.1200/JCO.2014.57.9151

4. **Kamath PS, Kim WR,** Advanced Liver Disease Study Group. The model for end-stage liver disease (MELD). *Hepatology* Baltim Md. 2007;45(3):797-805. doi:10.1002/hep.21563
5. **Child-Pugh classification** - UpToDate. Accessed July 21, 2022. <https://www.uptodate.com/contents/image?imageKey=GAST%2F78401>
6. **Trần Thị Hạnh.** Nghiên cứu giá trị của chỉ số MELDNa trong tiên lượng bệnh nhân xơ gan Child-Pugh C. Luận Văn Thạc Sĩ Học Đại Học Hà Nội. Published online 2013.
7. **Fouad TR, Abdelsameea E, Abdel-Razek W, et al.** Upper gastrointestinal bleeding in Egyptian patients with cirrhosis: Post-therapeutic outcome and prognostic indicators. *J Gastroenterol Hepatol.* 2019;34(9):1604-1610. doi:10.1111/jgh.14659
8. **Nguyễn Văn Thủy.** Nghiên cứu áp dụng thang điểm AIMS65 trong tiên lượng xuất huyết tiêu hóa do vỡ giãn tĩnh mạch thực quản. Luận Án Thạc Sĩ Học Đại Học Hà Nội. Published online 2014.
9. **Nguyễn Thành Nam.** Nghiên Cứu Thang Điểm AIMS65 Trong Tiên Lượng Xuất Huyết Tiêu Hóa Cao Do Tăng Áp Lực Tĩnh Mạch Cửa. Đại học y Hà Nội; 2019.
10. **Xavier SA, Vilas-Boas R, Boal Carvalho P, Magalhães JT, Marinho CM, Cotter JB.** Assessment of prognostic performance of Albumin-Bilirubin, Child-Pugh, and Model for End-stage Liver Disease scores in patients with liver cirrhosis complicated with acute upper gastrointestinal bleeding. *Eur J Gastroenterol Hepatol.* 2018;30(6):652-658. doi:10.1097/MEG.0000000000001087

## THÁI ĐỘ VÀ THỰC HÀNH CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ VỀ TIÊM CHỦNG VACCINE COVID-19

Phạm Thị Ngọc Nga<sup>1</sup>, Lê Thị Nhân Duyên<sup>1</sup>, Ngô Thị Phương Thảo<sup>1</sup>,  
Trịnh Minh Thiết<sup>1</sup>, Nguyễn Hiệp Phúc<sup>1</sup>, Bùi Trần Hoàng Huy<sup>2</sup>,  
Trần Linh Sơn<sup>3</sup>, Phạm Công Thanh<sup>1</sup>

### TÓM TẮT

**Đặt vấn đề:** Để giảm tỷ lệ tử vong và làm chậm tình sự nghiêm trọng của đại dịch COVID-19 thì tiêm vaccine an toàn đã được WHO khuyến cáo. **Mục tiêu:** Khảo sát thái độ và thực hành về việc tiêm chủng vaccine COVID-19 của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (ĐHYDCT). **Đối tượng và phương**

**pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang ở 892 sinh viên (SV) đang học tại Trường ĐHYDCT trong thời gian từ tháng 6/2021 đến 9/2021. **Kết quả:** 516/892 (57,8%) có thái độ lo lắng về việc tiêm chủng COVID-19. Đặc điểm giới tính và khóa học được xác định mang ý nghĩa thống kê với tỷ lệ lo lắng, giá trị  $p$  lần lượt là 0,006 và 0,04. Nguyên nhân lo lắng về việc tiêm vaccine chủ yếu đến từ các tin tức trên truyền thông (40,6%) và nghi ngờ cá nhân không có hiệu quả và an toàn khi tiêm (35,4%). Có đến 92,9% SV có thái độ tin rằng vaccine an toàn và có một số tác dụng phụ và 57,5% SV có thái độ tin rằng vaccine có thể bảo vệ khỏi bị nhiễm COVID-19. Về thực hành, tỷ lệ SV sẵn sàng tiêm vaccine COVID-19 cho lần đầu, lần 2 và sau lần 2 đều rất cao ( $\geq 95\%$ ), và có 92,3% SV sẵn sàng báo cáo tác dụng phụ của vaccine cho nhân viên y tế. **Kết luận:** Hơn 50% sinh viên Trường ĐHYDCT lo lắng về việc tiêm chủng vaccine COVID-19 tuy nhiên tỷ lệ

<sup>1</sup>Trường Đại Học Y Dược Cần Thơ

<sup>2</sup>Trường Đại học Trà Vinh

<sup>3</sup>Trường Đại Học Cửu Long

Chịu trách nhiệm chính: Phạm Công Thanh

Email: pcthanh@ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 22.8.2022

Ngày phản biện khoa học: 23.9.2022

Ngày duyệt bài: 4.10.2022

SV sẵn sàng tiêm vaccine COVID-19 lại rất cao từ 95% đến 99,1%.

**Từ khóa:** COVID-19, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, sinh viên.

## SUMMARY

### KNOWLEDGE AND VOLUNTARY ATTITUDE OF MEDICAL STUDENTS OF CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY IN THE PREVENTION OF COVID-19 PANDEMIC

**Background:** To reduce mortality and slow down the severity of the COVID-19 pandemic, safe vaccination is recommended by WHO. Objective: To survey the attitude and practice of COVID-19 vaccination among students of Can Tho University of Medicine and Pharmacy (CTUMP). **Materials and methods:** A cross-sectional descriptive study in 892 students studying at CTU from June 2021 to September 2021. **Results:** 516/892 (57.8%) have a worried attitude about COVID-19 vaccination. Characteristics of gender and course were determined to be statistically significant with an anxiety rate, p-values of 0.006 and 0.04, respectively. The cause of concern about vaccination mainly came from news in the media (40.6%) and personal doubts about whether it was effective or safe to inject (35.4%). Besides, up to 92.9% of students had an attitude of believing that vaccines were safe and had some side effects; 57.5% of students had an attitude of believing that vaccines can protect against COVID-19 infection. The percentage of students willing to get the COVID-19 vaccine for the first, second and second time was very high ( $\geq 95\%$ ), and 92.3% of students agreed to report side effects of the vaccine to staff. medical after injection. **Conclusion:** More than 50% of students of CTU were worried about getting vaccinated against COVID-19 but the percentage of students willing to get vaccinated against COVID-19 was very high, from 95% to 99.1%.

**Keywords:** COVID-19, CTUMP, student.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khi dịch bệnh COVID-19, năm 2021 bùng phát tại Cần Thơ, bên cạnh các lực lượng nhân viên y tế, công an, quân đội,... có hơn ngàn lượt sinh viên, Trường ĐHYDCT đã trực tiếp tham gia hỗ trợ công tác phòng, chống dịch không chỉ ở tại địa bàn thành phố mà còn ở nhiều địa phương khác. Tại thời điểm này, sinh viên Trường ĐHYDCT là một trong các lực lượng tuyến đầu của ứng phó đại dịch COVID-19 và đang đối mặt với các mối đe dọa như tiếp xúc thường xuyên với virus, thời gian làm việc kéo dài, các tâm lý mệt mỏi, kiệt sức, càng dẫn đến nguy cơ mắc bệnh cao. Và cùng với sự xuất hiện của nhiều loại vaccine, hiệu quả phòng bệnh cao thấp, các tác dụng phụ của từng loại không giống nhau. Ngoài ra hiệu quả của vaccine không phải là mãi mãi [1], [7]. Các báo cáo từ tổ chức y tế thế giới (WHO), vaccine không thể loại bỏ sự

tồn tại của COVID-19 nhưng việc tiêm vaccine an toàn và hiệu quả là cách duy nhất để giảm tỷ lệ tử vong và làm chậm tình trạng đại dịch này [6]. Nghiên cứu của chúng tôi được thực hiện với mục tiêu khảo sát thái độ và thực hành về việc tiêm chủng vaccine COVID-19 của sinh viên Trường ĐHYDCT năm 2021.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**2.1. Đối tượng nghiên cứu:** Sinh viên thuộc tất cả các ngành và khóa học tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đồng ý tham gia nghiên cứu.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu:

- **Thiết kế nghiên cứu:** mô tả cắt ngang

- **Cỡ mẫu:** 892 sinh viên thuộc tất cả các ngành và khóa học tại Trường ĐHYDCT đồng ý tham gia nghiên cứu trong thời gian khảo sát từ tháng 6/2021 đến 9/2021.

- **Nội dung nghiên cứu:**

+ **Đặc điểm của đối tượng:** có 4 đặc điểm được ghi nhận là: giới tính; thứ tự năm SV đang học; số lần đã tiêm vaccine; tình trạng nhiễm COVID -19

+ **Thái độ tiêm chủng vaccine COVID-19:** có 4 câu hỏi thái độ về tiêm chủng vaccine COVID-19 về việc lo lắng; nguyên nhân lo lắng; sự an toàn của vaccine và niềm tin vaccine COVID-19 có thể bảo vệ con người. Ngoại trừ câu hỏi "nguyên nhân lo lắng" được chọn nhiều đáp án, 3 câu còn lại mỗi câu chỉ 1 đáp án.

+ **Thực hành tiêm chủng vaccine COVID-19:** có 4 câu hỏi thực hành được khảo sát, và SV có thể tùy chọn có hoặc không (Bảng 5)

- **Phương pháp thu thập số liệu:** các nội dung khảo sát được xây dựng và chuyển thành bảng câu hỏi trực tuyến thông qua sử dụng biểu mẫu Google Form, link khảo sát được gửi trực tiếp đến E-mail của đối tượng nghiên cứu (địa chỉ E-mail nhà trường cung cấp cho mỗi SV).

- **Phương pháp xử lý số liệu:** Số liệu được thu thập và xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0 để tính tỷ lệ (%), sử dụng kiểm định Chi-square ( $\chi^2$ ) để so sánh sự khác biệt tỷ lệ giữa các nhóm (có ý nghĩa thống kê khi  $p < 0,05$ ).

## III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 3.1. Đặc điểm của đối tượng

**Bảng 1. Một số đặc điểm của đối tượng**

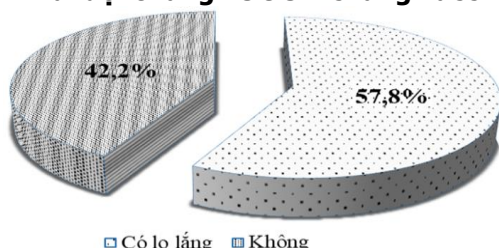
Đặc điểm		Tần số (n=892)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	354	39,7
	Nữ	538	60,3
Năm	Năm nhất	295	33,1
	Năm hai	178	20,0

<b>học</b>	Năm ba	122	13,7
	Năm bốn	159	17,8
	Năm năm	90	10,1
	Năm sáu	48	5,4
<b>Số lần đã tiêm vaccine</b>	1 lần	0	0,0
	2 lần	245	27,5
	3 lần	657	72,5
	4 lần	0	0,0
<b>Nhiễm Covid 19</b>	Đã nhiễm và điều trị khỏi	76	8,5
	Đã nhiễm và đang điều trị	1	0,1
	Chưa từng nhiễm	815	91,4

**Nhận xét:** 60,3% SV tham gia nghiên cứu là nữ; có đủ SV từ năm nhất đến năm thứ 6 tham gia khảo sát và SV năm nhất có tỷ lệ cao nhất 33,1%; số lượng SV đã tiêm mũi 3 và SV chưa từng nhiễm COVID-19 chiếm tỷ lệ cao hơn các nhóm còn lại và tỷ lệ lần lượt là 72,5% và 91,4%.

### 3.2. Thái độ và thực hành tiêm vaccine COVID-19

#### - Thái độ lo lắng về tiêm chủng vaccine



**Biểu đồ 1:** Thái độ lo lắng về tiêm chủng vaccine

**Nhận xét:** 516/892 (57,8%) có thái độ lo lắng về việc tiêm chủng COVID-19, 42,2% không lo lắng.

- **Một số yếu tố có liên quan đến vấn đề lo lắng về việc tiêm chủng:** trong 4 đặc điểm khảo sát, liên quan được xác định mang ý nghĩa thống kê giữa thái độ có lo lắng với đặc điểm giới tính và năm học, giá trị p lần lượt là 0,006 và 0,04.

#### - Nguyên nhân lo lắng về việc tiêm chủng COVID-19

**Bảng 2:** Nguyên nhân lo lắng về việc tiêm chủng COVID-19

Nội dung	Tần số (n=892)	Tỷ lệ (%)
Từ các tin tức trên truyền thông	362	40,6
Nghi ngờ cá nhân không có hiệu quả và an toàn khi tiêm	316	35,4
Nguyên nhân lo lắng khác	26	2,9

**Nhận xét:** Nguyên nhân lo lắng về việc tiêm vaccine chủ yếu đến từ các tin tức trên truyền thông (40,6%) và nghi ngờ cá nhân không có

hiệu quả hay an toàn khi tiêm (35,4%).

#### - Thái độ tin tưởng về sự an toàn của vaccine COVID-19

**Bảng 3:** Thái độ tin tưởng về sự an toàn của vaccine COVID-19

Nội dung	Tần số (n=892)	Tỷ lệ (%)
Vaccine an toàn và không có tác dụng phụ	28	3,1
Vaccine an toàn và có một số tác dụng phụ	829	92,9
Vaccine không an toàn và có tác dụng phụ rõ ràng	13	1,5
Không biết	22	2,5

**Nhận xét:** Có đến 92,9% SV tin rằng vaccine an toàn và có một số tác dụng phụ.

#### - Thái độ tin tưởng vaccine COVID-19 bảo vệ con người khỏi nhiễm COVID-19

**Bảng 4:** Thái độ tin tưởng vaccine COVID-19 bảo vệ con người khỏi nhiễm COVID-19

Nội dung	Có n (%)	Không n (%)	Không biết n (%)
Vaccine COVID-19 có thể bảo vệ chúng ta khỏi bị nhiễm COVID-19	513 (57,5)	350 (39,2)	29 (3,3)

**Nhận xét:** 57,5% SV tin rằng vaccine có thể bảo vệ chúng ta khỏi bị nhiễm COVID-19.

#### - Thực hành tiêm chủng vaccine COVID-19

**Bảng 5:** Thực hành tiêm chủng vaccine COVID-19 của sinh viên

Thực hành tiêm chủng vaccine	Có n (%)	Không n (%)
Sẵn sàng tiêm vaccine COVID-19 lần đầu	873	97,9
Sẵn sàng tiêm vaccine COVID-19 lần thứ 2	884	99,1
Sẵn sàng tiêm vaccine COVID-19 sau lần thứ 2	847	95,0
Sẽ báo cáo tác dụng phụ của vaccine cho nhân viên y tế	823	92,3

**Nhận xét:** Tỷ lệ SV sẵn sàng tiêm vaccine COVID-19 cho lần đầu, lần 2 và sau lần 2 đều rất cao trên 95%, và có 92,3% SV sẵn sàng báo cáo tác dụng phụ của vaccine cho nhân viên y tế.

## IV. BÀN LUẬN

**4.1. Đặc điểm của đối tượng.** Tổng số 892 SV tham gia nghiên cứu có 538 nữ, chiếm tỷ lệ 60,3% và 354 nam, chiếm tỷ lệ 39,7%. Nghiên cứu của Dessie và cộng sự, năm 2022, thực hiện khảo sát kiến thức, thái độ và nhận thức về vaccin của 198 nam (50,5%) và 194 nữ (49,5%)

nhân viên y tế ở Thành phố Dessie, [1]. Kết quả ở bảng 1 cho thấy có đủ SV từ năm nhất đến năm thứ 6 tham gia khảo sát và SV năm nhất có tỷ lệ cao nhất 33,1%, SV năm thứ 6 ít nhất chỉ có 5,4%. Kết quả này có thể được lý giải là do các SV năm nhất chưa tham gia chống dịch ngoài cộng đồng trong khi các SV năm cao hơn tham gia nhiều hơn và lượng thời gian rảnh để tham gia nghiên cứu ít. Ngoài ra, nghiên cứu cũng ghi nhận có 657/898 (72,5%) SV đã tiêm 3 mũi, 27,5% SV đã được tiêm 2 mũi. Hầu hết (91,4%) SV chưa từng nhiễm COVID-19, có 76 SV đã nhiễm và điều trị khỏi bệnh và chỉ có 1 SV đang nhiễm lúc chúng tôi thực hiện khảo sát.

#### 4.2. Thái độ và thực hành tiêm vaccine COVID-19

**Thái độ:** mặc dù là sinh viên ngành y tế, tuy nhiên khi khảo sát có 516 đối tượng lo lắng về việc tiêm chủng COVID-19 (57,8%) và có 42,2% đối tượng tham gia khảo sát không có lo lắng về vấn đề này (Biểu đồ 1). Nghiên cứu cũng ghi nhận sự lo lắng có liên quan mang ý nghĩa thống kê với yếu tố giới tính ( $p = 0,006$ ) và năm học của SV ( $p = 0,04$ ). Kết quả thống kê cũng ghi nhận nguyên nhân lo lắng hàng đầu về việc tiêm chủng COVID-19 là từ các tin tức trên truyền thông chiếm đến 40,6% và nghi ngờ cá nhân không có hiệu quả và an toàn khi tiêm (35,4%). Mặc dù Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đã đưa ra khuyến cáo: "Tiêm vaccine là cần thiết và lợi ích của vaccine là cao hơn nhiều so với nguy cơ". Giống như nhiều dịch bệnh đã từng xảy ra trong quá khứ, vaccine luôn là biện pháp phòng bệnh chủ động, hữu hiệu. Các nghiên cứu khác cũng chỉ ra rằng, vaccine phòng COVID-19 giúp phòng ngừa lây nhiễm SARS-CoV-2, còn giúp người được tiêm tránh khỏi nguy cơ bệnh chuyển nặng và phải nhập viện, cũng như giảm tỷ lệ tử vong nếu không may bị nhiễm bệnh. Những bài viết, những bản tin thời sự có tiêu đề khiến nhiều người lo lắng: "2% số người chết vì Covid-19 ở bang Illinois (Mỹ) trong năm nay là người đã được tiêm đủ 2 mũi", "79 người dân ở bang Massachusetts được tiêm phòng đầy đủ đã tử vong",.... Hay cụ thể trong giai đoạn đầu tiêm vaccine dù số lượng biến chứng và gây tử vong rất thấp nhưng nó cũng đánh động đến tâm lý người tiêm vaccine. Cùng lúc đó khi số ca nhiễm gia tăng ở một số quốc gia cùng với sự lan tràn của biến thể Delta, Omiron, thực tế vaccine không phải là một lá chắn hoàn hảo có thể khiến một số người thất vọng.

Tương tự khi khảo sát thái độ tin tưởng "Vaccine COVID-19 có an toàn" chúng tôi ghi

nhận có 92,9% đối tượng tin tưởng vaccine COVID-19 là an toàn và có một số tác dụng phụ (Bảng 3). Tuy nhiên khi khảo sát "Niềm tin Vaccine COVID-19 có thể bảo vệ chúng ta" chỉ có 57,5% đối tượng tin rằng vaccine COVID-19 có thể bảo vệ (Bảng 4). Có thể thấy rằng phần lớn đối tượng tin tưởng về mức độ an toàn của vaccine nhưng chưa tin tưởng nhiều về việc vaccine có thể giúp họ không bị nhiễm với COVID-19. Trong nghiên cứu của Sovan Samanta và cộng sự, 2020 tỷ lệ này là 46,8% [5]. Tính đến tháng 7/2021, tại Mỹ có hơn 5.186 trường hợp nhiễm Covid-19 dẫn đến bệnh nặng trong số 157 triệu người tiêm chủng đầy đủ (tỷ lệ 0,003%), trong đó có 988 ca dẫn đến tử vong [5]. Những con số thống kê tương tự này đã góp phần giải thích được kết quả của nghiên cứu.

**Thực hành:** Tuy hơn 50% SV có lo lắng nhưng có đến 97,9% SV sẵn sàng tiêm vaccine COVID-19 lần đầu, 99,1% SV sẵn sàng tiêm vaccine COVID-19 lần thứ 2, 95,0% sẵn sàng tiêm vaccine COVID-19 sau lần 2 và 92,3% đối tượng sẽ báo cáo tác dụng phụ cho nhân viên y tế khi gặp tác dụng phụ của vaccine (Bảng 5). Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cao hơn của nhóm tác giả 23. Kaya, M. O và cộng sự năm 2021, thực hiện trên tổng số 739 sinh viên y khoa và số sinh viên đồng ý sẵn sàng tham gia tiêm chủng là 444/739 (60,1%) [3]. Kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của Iacoella C. trên người vô gia cư ở Ý năm 2021 (64,3%) [2] và nghiên cứu của Kozak A trên nhân viên ngành chăm sóc sức khỏe và phúc lợi ở Đức (>80% ở tất cả các ngành, cao nhất 87,5% ở ngành lão khoa) [4]. Để lý giải cho sự khác biệt này, đối tượng nghiên cứu của chúng tôi là SV đang học tập tại Trường ĐHYDCT, là những người có trình độ hiểu biết nhiều hơn trong lĩnh vực y tế nên có sự khác biệt trong nhận thức so với đối tượng nghiên cứu của tác giả Iacoella C [2].

#### V. KẾT LUẬN

Khảo sát thái độ và thực hành tiêm chủng vaccine COVID-19 của SV Trường ĐHYDCT, có đến 57,8% SV lo lắng về việc tiêm chủng vaccine COVID-19 tuy nhiên tỷ lệ SV thực hành tiêm vaccine COVID-19 rất cao từ 95% đến 99,1%. Bên cạnh đó, có 57,5% SV có thái độ tin rằng vaccine có thể bảo vệ chúng ta khỏi bị nhiễm COVID-19 và trên 90% SV tin rằng vaccine an toàn và có một số tác dụng phụ.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Adane, M., Ademas, A., & Kloos, H. (2022). Knowledge, attitudes, and perceptions of COVID-

- 19 vaccine and refusal to receive COVID-19 vaccine among healthcare workers in northeastern Ethiopia. BMC Public Health, 22(1), 1-14.
- Iacoella C., Ralli M., Maggolini A., Arcangeli A., Ercoli L.** Acceptance of COVID-19 vaccine among persons experiencing homelessness in the City of Rome, Italy. Eur Rev Med Pharmacol Sci. 2021;25(7):3132-3135.
  - Kaya, M. O., Yakar, B., Pamukçu, E., Önalın, E., Akkoç, R. F., Pirinçci, E., Gürsu, M. F. (2021),** Acceptability of a COVID-19 vaccine and role of knowledge, attitudes and beliefs on vaccination willingness among medical students. European Research Journal, 7(4):417-424.
  - Kozak, A., & Nienhaus, A. (2021).** COVID-19 vaccination: Status and willingness to be vaccinated among employees in health and welfare care in Germany. International Journal of Environmental Research and Public Health, 18(13), 6688.
  - Samanta, S., Banerjee, J., Kar, S. S., Ali, K. M., Giri, B., Pal, A., & Dash, S. K. (2022).** Awareness, knowledge and acceptance of COVID-19 vaccine among the people of West Bengal, India: a web-based survey. Vacunas.
  - Samanta, S., Banerjee, J., Kar, S. S., Ali, K. M., Giri, B., Pal, A., & Dash, S. K. (2022).** Awareness, knowledge and acceptance of COVID-19 vaccine among the people of West Bengal, India: a web-based survey. Vacunas.
  - Tran B.X, Nguyen H.T., Le H.T., et al. (2020),** Impact of COVID-19 on Economic Well-Being and Quality of Life of the Vietnamese During the National Social Distancing. Front Psychol;11:565153.

## KHẢO SÁT MỘT SỐ TRIỆU CHỨNG NGOÀI THỰC QUẢN Ở BỆNH NHÂN TRÀO NGƯỢC DẠ DÀY – THỰC QUẢN

Đỗ Thị Trang<sup>1</sup>, Nguyễn Công Long<sup>2</sup>

*Từ khóa:* bệnh trào ngược dạ dày – thực quản, triệu chứng ngoài thực quản.

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả một số đặc điểm của triệu chứng ngoài thực quản (TCNTQ) ở bệnh nhân bị bệnh trào ngược dạ dày thực quản (BTNDD-TQ). **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang được tiến hành ở bệnh nhân  $\geq 18$  tuổi bị BTNDD-TQ có TCNTQ đến khám ngoại trú và được nội soi tiêu hóa trên tại Trung tâm Tiêu hóa - Gan Mật Bệnh viện Bạch Mai từ 8/2021 đến 6/2022. BTNDD-TQ được chẩn đoán dựa vào điểm GERDQ  $\geq 8$  và/hoặc có tổn thương viêm thực quản trào ngược (VTQTN) trên nội soi theo phân loại Los Angeles. TCNTQ được chẩn đoán khi có ít nhất một trong các triệu chứng đau ngực, ho mạn tính, khô khè, khàn giọng, vướng họng và đã được loại trừ các nguyên nhân khác. **Kết quả:** Chúng tôi ghi nhận có 212 bệnh nhân đủ tiêu chuẩn nghiên cứu. Ba TCNTQ thường gặp nhất là ho, vướng họng và đau ngực với tỷ lệ lần lượt là 49,1%, 46,7% và 45,3%. Hai triệu chứng khàn giọng và khô khè hiếm gặp hơn với tỷ lệ lần lượt là 9,9% và 9,4%. Tỷ lệ bệnh nhân có VTQTN là 36,3%, mức độ Los Angeles A, B, C, D lần lượt là 87%, 10,4%, 1,3% và 1,3%. Tỷ lệ vướng họng ở nhóm BTNDD-TQ không có tổn thương thực quản cao hơn có ý nghĩa thống kê so với nhóm VTQTN. **Kết luận:** TCNTQ thường gặp nhất là ho khan, vướng họng và đau ngực, hai triệu chứng khàn giọng và khô khè hiếm gặp hơn. Tỷ lệ vướng họng ở nhóm BTNDD-TQ không có tổn thương thực quản cao hơn nhóm VTQTN.

### SUMMARY

#### SURVEYING SOME EXTRA - ESOPHAGEAL SYMPTOMS IN PATIENS WITH GASTROESOPHAGEAL REFLUX DISEASE

**Objectives:** To describe some features of extraesophageal symptoms in patients with gastroesophageal reflux disease. **Methods:** A cross-sectional study was conducted in patients over 18 years old with gastroesophageal reflux disease with extraesophageal symptoms who came to the outpatient clinic and underwent upper gastrointestinal endoscopy at the Gastroenterology - Hepatobiliary Center Bach Mai Hospital from 8/2021 to 6/2022. Gastroesophageal reflux disease was diagnosed based on a GERDQ score  $\geq 8$  and/or a lesion of reflux esophagitis on endoscopy according to the Los Angeles classification. Extraesophageal symptoms were diagnosed when at least one of the symptoms was chest pain, chronic cough, wheezing, hoarseness, and throat obstruction and other causes were excluded. **Results:** We recorded 212 patients who were eligible for the study. The three most common extra-esophageal symptoms were cough, sore throat and chest pain with 49,1%, 46,7% and 45,3%, respectively. Two symptoms of hoarseness and wheezing were rarer with the rate of 9,9% and 9,4%, respectively. The proportion of patients with gastroesophageal reflux disease who had reflux esophagitis was 36,3%, levels of Los Angeles A, B, C, D were 87%, 10,4%, 1,3% and 1,3%. The rate of throat obstruction in the group of gastroesophageal reflux disease without esophageal lesions was statistically significantly higher than in the group of gastroesophageal reflux disease with esophagitis. **Conclusion:** The most common extraesophageal symptoms were dry cough, sore throat and chest pain,

<sup>1</sup>Trường Đại học Y Hà Nội,

<sup>2</sup>Bệnh viện Bạch Mai

Chịu trách nhiệm chính: Đỗ Thị Trang

Email: drdotrang1991@gmail.com

Ngày nhận bài: 19.8.2022

Ngày phản biên khoa học: 26.9.2022

Ngày duyệt bài: 7.10.2022